

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/DS-ST

Ngày: 22 - 5 - 2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Vân

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội (sau đây viết tắt là V1).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh S, ông Lê Thanh N, bà Đặng Tô Mỹ H, ông Nguyễn Minh H1, bà Lê Trần Xuân Đ và ông Lý Nhựt H2; cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; nơi làm việc: Tầng D, số A - A đường T, phường M, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số 1008/2026/UQN-VPB) (ông S có mặt; ông N, bà H, ông H1, bà Đ và ông H2 vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 01/4/1992; căn cước công dân số 089192026917, ngày cấp 04/02/2022;

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn V1 trình bày:

Ngày 27/9/2024, V1 có cho bà Nguyễn Thị Bảo T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng (tính từ ngày 27/9/2024 đến ngày 05/9/2029, lãi suất cho vay tối đa là 39%/ năm, cố định trong suốt thời hạn cho vay; mục đích cho vay: Mua sắm vật liệu gia đình; việc cho vay có lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1; hình thức trả nợ vay: Trả góp hàng tháng, việc trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 05/11/2024. Trong ngày 27/9/2024, V1 đã giải ngân toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Bảo T bằng cách giải ngân qua tài khoản của bà Nguyễn Thị Bảo T đã đăng ký tại V1. Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Bảo T đã trả nợ cho V1 số tiền nợ gốc là 10.032.889 đồng và tiền lãi là 41.570.193 đồng. Đến ngày 05/6/2025, bà Nguyễn Thị Bảo T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Do đó, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bảo T phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 16/01/2026 với số tiền là:

+ Nợ gốc khoản vay: 189.967.111 đồng;

+ Nợ lãi khoản vay: 61.780.870 đồng;

Tổng cộng là 251.747.981 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bảo T tiếp tục trả lãi với mức lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho đến khi bà Nguyễn Thị Bảo T thanh toán hết nợ cho V1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Căn cứ chứng minh cho lời trình bày là:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1;

- Lịch sử giải ngân.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do ông Trần Thanh S đại diện vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện và trình bày: Sau khi bà Nguyễn Thị Bảo T ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo

đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 thì khoản vay của bà Nguyễn Thị Bảo T sẽ được tự động cập nhật trên hệ thống của V1 theo Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024, không có ký kết bổ sung hợp đồng nào khác. Sau khi vay, tính đến ngày 05/6/2025, bà Nguyễn Thị Bảo T trả được tổng số tiền 51.831.055 đồng (gồm: vốn gốc là 10.032.889 đồng, lãi là 41.798.166 đồng). Nay V1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 291.714.522 đồng (trong đó: vốn gốc là 189.967.111 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/5/2026 là 101.747.411 đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (được cập nhật vào hệ thống của V1 theo Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024) kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1. Buộc bà Nguyễn Thị Bảo T trả nợ vốn và lãi tính đến ngày 22/5/2026 với tổng số tiền 291.714.522 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (được cập nhật vào hệ thống của V1 theo Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ căn cước công dân, hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Bảo T có nơi cư trú tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang). Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 27/01/2026, bà Nguyễn Thị Bảo T có cư trú tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xác định nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Bảo T tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] V1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; chủ thể tham gia giao dịch (bà Nguyễn Thị Bảo T) không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Bảo T (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.3] Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Bảo T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng và không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của V1. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Bảo T vào ngày 15/5/2026 tại nơi cư trú nhưng do bà Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bảo T (bị đơn) đã được tổng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bà Nguyễn Thị Bảo T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của V1 buộc bà Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2026 là 291.714.522 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024, Hội đồng xét xử xét thấy:

V1 cho rằng, ngày 26/9/2024, V1 có cho bà Nguyễn Thị Bảo T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng (tính từ ngày 27/9/2024 đến ngày 05/9/2029, lãi suất cho vay tối đa là 39%/ năm; mục đích cho vay: Mua sắm vật liệu gia đình; việc cho vay có lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (được cập nhật vào hệ thống của V1 theo Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024). Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Bảo T đã trả nợ cho V1 số tiền nợ gốc là 10.032.889 đồng và tiền lãi là 41.570.193 đồng. Đến ngày 05/6/2025, bà Nguyễn Thị Bảo T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, V1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền vốn gốc là 189.967.111 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bà Nguyễn Thị Bảo T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định giữa V1 với bà Nguyễn Thị Bảo T có xác lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (được cập nhật vào hệ thống của V1 theo Hợp đồng tín dụng số

LD2427101782 ngày 26/9/2024); bà Nguyễn Thị Bảo T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/6/2025; hiện nay, bà Nguyễn Thị Bảo T còn nợ lại V1 số tiền vốn gốc là 189.967.111 đồng và lãi phát sinh như lời trình bày của V1.

Xét thấy, việc xác lập hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 05/6/2025, bà Nguyễn Thị Bảo T còn nợ lại V1 số tiền vốn gốc là 189.967.111 đồng và lãi phát sinh nhưng không thanh toán nợ theo thỏa thuận cho đến nay, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc V1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 22/5/2026 với tổng số tiền 291.714.522 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết; Điều 280; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bà Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 280, 335, 336, 342, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc bà Nguyễn Thị Bảo T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V nợ gốc và lãi của khoản vay như sau:

Nợ gốc: 189.967.111 (một trăm tám mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm mười một nghìn) đồng.

Tiền lãi tính đến ngày 22/5/2026 là 101.747.411 (một trăm lẻ một triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm mười một) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 (được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng tín dụng số LD2427101782 ngày 26/9/2024) kể từ ngày 23/5/2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị Bảo T thanh toán xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Bảo T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu 14.585.000 đồng (mười bốn triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.502.000 đồng (năm triệu, năm trăm lẻ hai nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0010186 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Lê Phước Sang